

KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN (Post Clearance Audit PCA)

Tp.HCM, ngày 13/10/2023



NỘI DUNG

I. Giới thiệu kiểm tra sau thông quan (PCA)

II. Phân biệt hoạt động kiểm tra trong thông quan và hoạt động PCA

III. Quy trình, thủ tục PCA

IV. Tài liệu chuẩn bị để phục vụ PCA.

V. Công việc doanh nghiệp phải thực hiện khi được PCA.

VI. Các chế tài có liên quan khi PCA.

I. GIỚI THIỆU KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN (PCA)

1. Giới thiệu kiểm tra sau thông quan (PCA)
2. Khung pháp lý cho PCA
3. Các trường hợp PCA
4. Quy trình PCA
5. Mô hình PCA
6. Địa điểm PCA
7. Lợi ích của hoạt động PCA

1. GIỚI THIỆU KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN (PCA)

Quy trình kiểm tra sau thông quan (PCA) là một cuộc kiểm tra có cấu trúc, sau khi Hải quan thông quan hàng hóa, đối với dữ liệu thương mại liên quan, hợp đồng mua bán, hồ sơ tài chính và phi tài chính, hàng tồn kho và các tài sản khác của doanh nghiệp

Mục tiêu chính

Để đo lường và cải thiện sự tuân thủ của doanh nghiệp đối với các yêu cầu pháp lý của Hải quan, cũng như các yêu cầu khác theo bất kỳ luật hiện hành khác

→ **Xây dựng mối quan hệ tin cậy giữa Hải quan và thương nhân.**

Mục tiêu khác

Xác minh trị giá, xuất xứ, phân loại hàng hóa được khai báo chính xác và đảm bảo chống thất thu NSNN;

Để đảm bảo hàng hóa chịu sự kiểm soát hải quan được khai báo đúng, bao gồm các lệnh cấm và hạn chế, giấy phép, hạn ngạch, v.v.;

Để đảm bảo các điều kiện liên quan đến phê duyệt và ủy quyền cụ thể đang được tuân thủ, ví dụ: tài liệu quá cảnh được xác thực trước, giấy chứng nhận xuất xứ, giấy phép, hạn ngạch, các sắc thuế phải nộp;

Để tạo thuận lợi cho thương mại cho người khai hải quan

2. KHUNG PHÁP LÝ CHO PCA

**Luật Hải quan số
54/2014/QH13**

- Điều 77. Kiểm tra sau thông quan
- Điều 78. Các trường hợp kiểm tra sau thông quan
- Điều 79. Kiểm tra sau thông quan tại cơ quan hải quan
- Điều 80. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan
- Điều 81. Nhiệm vụ, quyền hạn của công chức hải quan kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan
- Điều 82. Quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan trong kiểm tra sau thông quan

**Nghị định 08/2015/NĐ-CP
(Sửa đổi bởi Nghị định số
59/2018/NĐ-CP)**

- Điều 97. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan
- Điều 98. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan
- Điều 99. Sửa đổi, bổ sung, tạm dừng, hủy bỏ quyết định kiểm tra sau thông quan
- Điều 100. Xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan

**Thông tư 38/2015/TT-BTC
(Sửa đổi bởi Thông tư số
39/2018/TT-BTC)**

- Điều 141. Thu thập thông tin, xác minh phục vụ kiểm tra sau thông quan
- Điều 142. Kiểm tra sau thông quan tại cơ quan hải quan
- Điều 143. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở của người khai hải quan
- Điều 144. Tổ chức kiểm tra sau thông quan
- Điều 145. Trách nhiệm giải quyết khiếu nại trong kiểm tra sau thông quan

**Quyết định số
575/2019/QĐ-TCHQ**

- Hướng dẫn hậu kiểm của Tổng Cục Hải quan

3. CÁC TRƯỜNG HỢP PCA



4. QUY TRÌNH PCA

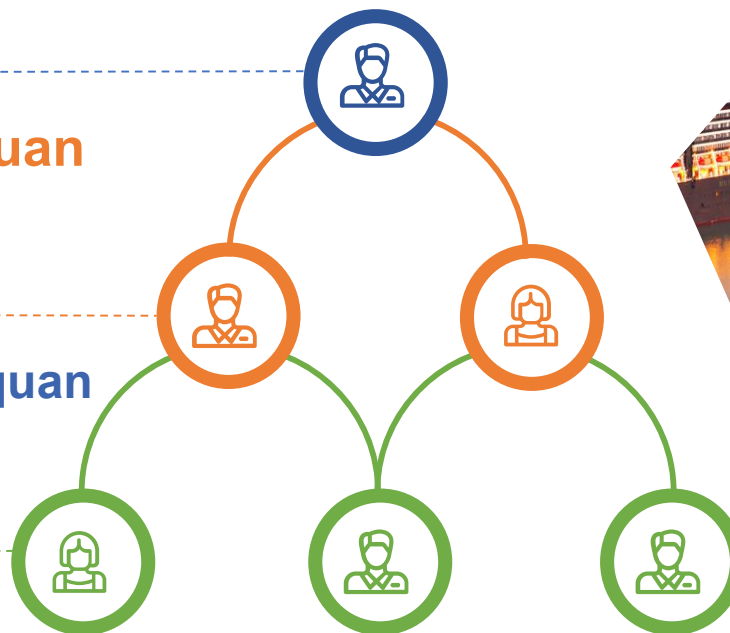


5. MÔ HÌNH PCA

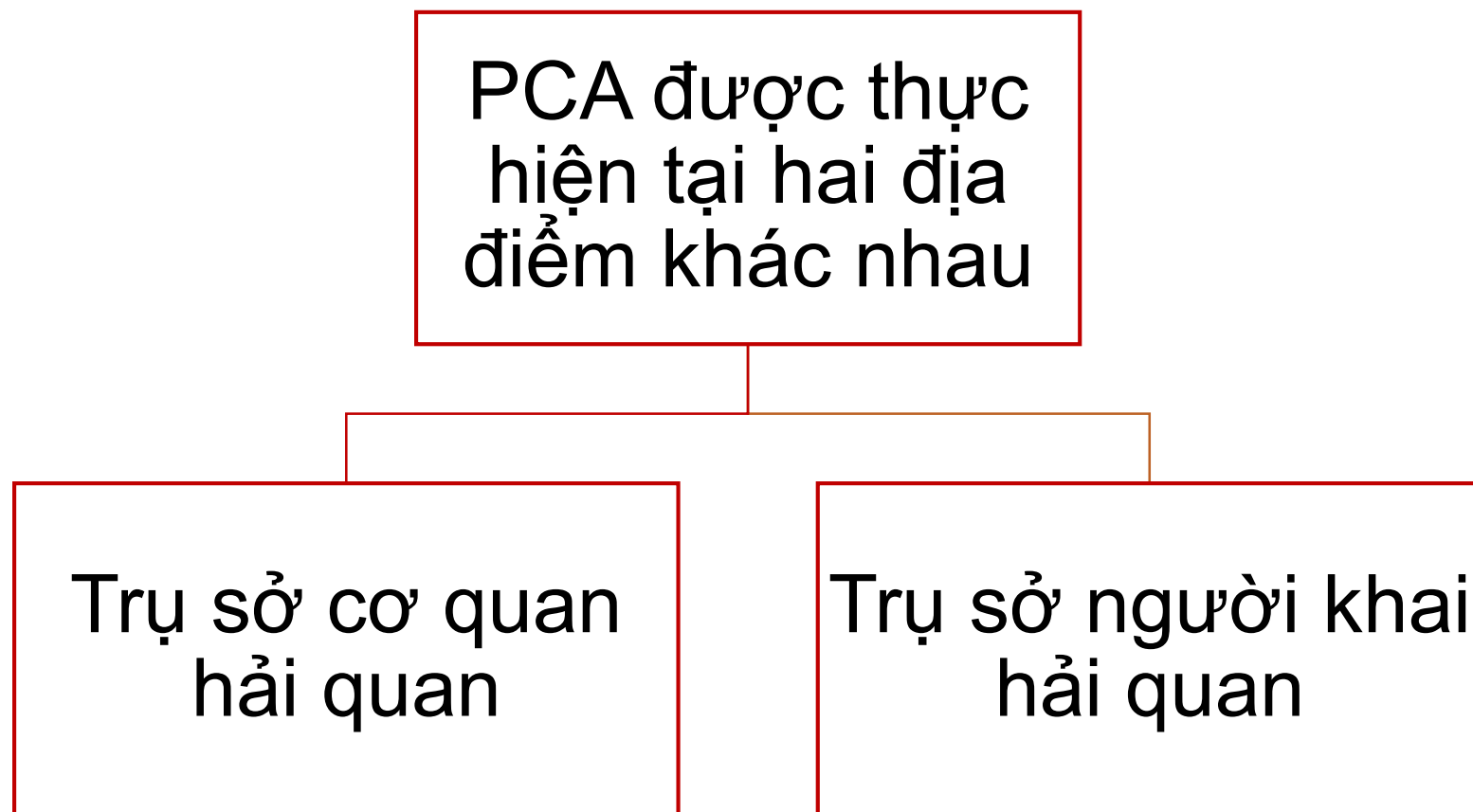
Cục Kiểm tra sau thông quan
Thuộc Tổng cục Hải quan

Chi cục Kiểm tra sau thông quan
Thuộc Cục Hải quan

Bộ phận kiểm tra sau thông quan
Trực thuộc Chi cục Hải quan



6. ĐỊA ĐIỂM PCA



6.1. TẠI TRỤ SỞ CƠ QUAN HẢI QUAN

Tại trụ sở chi cục Hải quan

Chi cục trưởng Chi cục Hải quan ra quyết định kiểm tra sau thông quan đối với tờ khai hải quan trong thời hạn **60 ngày** kể từ ngày thông quan

Tại trụ sở Chi cục KTSTQ

- Cục trưởng Cục Hải quan hoặc Chi cục trưởng Chi cục KTSTQ được uỷ quyền ra quyết định kiểm tra sau thông quan đối với tờ khai hải quan **có nghi vấn** trong thời hạn **05 năm** kể từ ngày thông quan
- Công chức hải quan yêu cầu người khai hải quan cung cấp:
 - (i) Hóa đơn thương mại, Packing List,
 - (ii) Vận đơn (B/L),
 - (iii) Hợp đồng mua bán hàng hóa,
 - (iv) Chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O),
 - (v) Chứng từ thanh toán,
 - (vi) Hồ sơ, tài liệu kỹ thuật hàng hóa liên quan đến hồ sơ đang kiểm tra và giải trình các nội dung có liên quan.
- Thời hạn kiểm tra được xác định trong quyết định kiểm tra nhưng không quá 05 ngày làm việc.
- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, người ra quyết định kiểm tra ký và gửi Thông báo kết quả kiểm tra cho người khai hải quan.

6.1. TẠI TRỤ SỞ CƠ QUAN HẢI QUAN

Thẩm quyền
ra quyết định

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan quyết định kiểm tra sau thông quan trong phạm vi cả nước;

Cục trưởng Cục Hải quan ra quyết định kiểm tra sau thông quan trên địa bàn quản lý.

(Trường hợp kiểm tra doanh nghiệp không thuộc địa bàn do mình quản lý, Cục Hải quan báo cáo Tổng cục Hải quan xem xét giao đơn vị khác kiểm tra)

6.2. TẠI TRỤ SỞ NGƯỜI KHAI HẢI QUAN



Việc kiểm tra, đánh giá tuân thủ pháp luật của người khai hải quan thực hiện theo kế hoạch kiểm tra sau thông quan hàng năm do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành.



Thời hạn kiểm tra sau thông quan được xác định trong quyết định kiểm tra nhưng không quá 10 ngày làm việc. Thời hạn kiểm tra được xác định kể từ ngày bắt đầu kiểm tra.

(Trường hợp phạm vi kiểm tra lớn, vấn đề phức tạp thì người ra quyết định kiểm tra có thể gia hạn thời hạn kiểm tra một lần nhưng không quá 10 ngày làm việc)

6.2. TẠI TRỤ SỞ NGƯỜI KHAI HẢI QUAN

Trình tự, thủ tục kiểm tra sau thông quan

1. Công bố quyết định kiểm tra sau thông quan khi bắt đầu tiến hành kiểm tra

2. Đối chiếu tờ khai đã khai với sổ kế toán, chứng từ, báo cáo tài chính, tài liệu có liên quan, thực tế hàng hóa XNK thuộc phạm vi, nội dung quyết định kiểm tra sau thông quan;

3. Lập biên bản kiểm tra sau thông quan trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra;

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, người ra quyết định kiểm tra ký kết luận kiểm tra và gửi cho người khai hải quan.

5. Cơ quan chuyên môn có thẩm quyền có ý kiến trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan hải quan.

6. Xử lý theo thẩm quyền của công chức hải quan hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo kết quả giám định.

7. LỢI ÍCH CỦA HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN

- Với đa số doanh nghiệp XNK, khái niệm "kiểm tra sau thông quan", ... luôn có ý nghĩa tiêu cực.
- Tuy nhiên, các doanh nghiệp XNK minh bạch, "được kiểm tra sau thông quan", như là một dịp "đánh giá có trọng điểm".
- Sau khi kiểm tra, doanh nghiệp sẽ có cái nhìn tổng thể, bao quát từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm.
 - ✓ Có bài học phải trả giá: nộp thuế, chậm nộp và phạt vi phạm;
 - ✓ Có bài học là do thiếu hiểu biết, chưa tìm hiểu đầy đủ văn bản pháp luật, từ đó biết khai thác, cập nhật văn bản;
 - ✓ Có bài học do cách làm, cách lưu trữ, phản ánh chứng từ chưa đầy đủ ... Qua kiểm tra có bố trí lại, hoàn thiện hệ thống quản lý của DN. Cụ thể:

7. LỢI ÍCH CỦA HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN

Nâng cao tính chủ động khai báo và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật của doanh nghiệp

- Đánh giá sự tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp về quy định khai đúng, khai đầy đủ so với chứng từ tài liệu liên quan, thực tế hàng hóa và chịu trách nhiệm về nội dung khai báo của mình.
- Giúp cơ quan Hải quan xây dựng bộ chỉ số đánh giá xếp hạng doanh nghiệp, áp dụng chế độ quản lý rủi ro, phân luồng tờ khai, phân luồng hồ sơ hoàn thuế áp dụng cho trong khâu thông quan.
- Xác định những lỗ hổng pháp lý mà doanh nghiệp lợi dụng lách luật hay những bất cập của văn bản pháp quy cần cải cách, sửa bổ giúp hoàn thiện thể chế giám sát quản lý về hải quan của Nhà nước.

7. LỢI ÍCH CỦA HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN

Nâng cao tính chủ động, tích cực tiếp nhận một cuộc kiểm tra.

- Doanh nghiệp nên tìm hiểu kỹ về những giấy tờ, tài liệu, các bảng biểu đề nghị cung cấp mà cơ quan Hải quan sẽ xem xét.
- Đánh giá mức độ liên quan của từng bộ phận, phòng ban của doanh nghiệp. Xác định các vấn đề và chủ động kiểm soát, liên kết tất cả trước khi cuộc kiểm tra bắt đầu.
- Việc kiểm tra nhanh hay chậm sẽ phụ thuộc vào: quy mô, phạm vi và nội dung kiểm tra, mức độ chuẩn bị, mức độ hợp tác và năng lực của các bên và cả những yếu tố khách quan (liên quan việc xác minh tới bên thứ 3, bất khả kháng...).

7. LỢI ÍCH CỦA HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN

Kết quả sau mỗi cuộc kiểm tra sau thông quan

- Là cơ hội tự đánh giá nhằm tối ưu hóa công tác quản lý doanh nghiệp, đặc biệt hữu ích đối với chủ doanh nghiệp.
- Cơ hội để liên kết những quy trình, những bộ phận, cá nhân và cả thông tin trong nội bộ doanh nghiệp (để thỏa mãn những yêu cầu xuất trình, chứng minh của cơ quan Hải quan).
- Cơ hội nhận biết và giảm thiểu những rủi ro trong việc tuân thủ pháp luật, từ đó tránh những nguy cơ phải nhận những hậu quả pháp lý tiêu cực.
- Cơ hội để được biết đến các kênh thông tin khai thác các văn bản pháp luật mới, kịp thời áp dụng vào loại hình XNK của doanh nghiệp mình, tránh việc bỏ sót văn bản do trình độ nghiệp vụ yếu của một bộ phận nhân viên còn hạn chế.

7. LỢI ÍCH CỦA HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN

Kết quả sau mỗi cuộc kiểm tra sau thông quan

- Cơ hội để được tham vấn trực tiếp về các vấn đề liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp mình.
- Sau cùng là mục đích về phát hiện thiếu sót và ngăn ngừa các hành vi vi phạm để góp phần tạo một môi trường kinh doanh công bằng, thuận lợi cho cộng đồng doanh nghiệp XNK



II. PHÂN BIỆT GIỮA KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN & KIỂM TRA TRONG THÔNG QUAN



PHÂN BIỆT

Kiểm tra trong thông quan

Kiểm tra hồ sơ (luồng vàng) hoặc kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hóa (luồng đỏ)

Kiểm tra sau thông quan

- Theo khoản 1 Điều 77 Luật Hải quan 2014, kiểm tra sau thông quan là hoạt động kiểm tra của cơ quan hải quan đối với hồ sơ hải quan, sổ kế toán, chứng từ kế toán và các chứng từ khác, tài liệu, dữ liệu có liên quan đến hàng hóa; kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp cần thiết và còn điều kiện **sau khi hàng hóa đã được thông quan.**

III. QUY TRÌNH - THỦ TỤC PCA



1. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan

- **Thẩm quyền quyết định kiểm tra sau thông quan:**

Cục trưởng Cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan

- **Thời gian kiểm tra sau thông quan:**

Thời gian kiểm tra được xác định trong quyết định kiểm tra, nhưng tối đa là 05 ngày làm việc.

1. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan

- **Trình tự, thủ tục kiểm tra sau thông quan:**
 - ✓ Cơ quan hải quan ban hành quyết định;
 - ✓ Người khai hải quan cung cấp hồ sơ, tài liệu:
 - Hóa đơn thương mại,
 - Chứng từ vận tải,
 - Hợp đồng mua bán hàng hóa,
 - Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa,
 - Chứng từ thanh toán,
 - Hồ sơ, tài liệu kỹ thuật của hàng hóa liên quan đến hồ sơ đang được kiểm tra và giải trình những nội dung liên quan.
 - ✓ Quyết định gửi cho DN trong 03 ngày làm việc kể từ ngày ký và chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày tiến hành kiểm tra;
 - ✓ DN có trách nhiệm giải trình, cung cấp hồ sơ, chứng từ liên quan;
 - ✓ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, người ra quyết định kiểm tra phải ký thông báo kết quả kiểm tra và gửi cho DN

1. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan

- **Xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan:**
 - ✓ Trường hợp thông tin, chứng từ, tài liệu được cung cấp và nội dung đã giải trình chứng minh nội dung khai hải quan là đúng thì hồ sơ hải quan được chấp nhận;
 - ✓ Trường hợp không chứng minh được nội dung khai hải quan là đúng hoặc người khai hải quan không cung cấp hồ sơ, chứng từ, tài liệu, không giải trình theo yêu cầu kiểm tra thì cơ quan hải quan quyết định xử lý theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
 - ✓ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, người ra quyết định kiểm tra phải ký thông báo kết quả kiểm tra và gửi cho người khai hải quan

2. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp

- **Thẩm quyền quyết định kiểm tra sau thông quan:**
 - ✓ Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan quyết định kiểm tra sau thông quan trong phạm vi toàn quốc;
 - ✓ Cục trưởng Cục Hải quan quyết định kiểm tra sau thông quan trong địa bàn quản lý của Cục.
 - ✓ Trường hợp kiểm tra doanh nghiệp không thuộc phạm vi địa bàn quản lý được phân công, Cục Hải quan báo cáo Tổng cục Hải quan xem xét phân công đơn vị thực hiện kiểm tra.
 - ✓ Việc kiểm tra đánh giá tuân thủ pháp luật của người khai hải quan thực hiện theo kế hoạch kiểm tra sau thông quan hàng năm do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành.

2. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp

- **Thời hạn kiểm tra sau thông quan:**
 - ✓ Thời hạn kiểm tra sau thông quan được xác định trong quyết định kiểm tra, nhưng tối đa là 10 ngày làm việc.
 - ✓ Thời gian kiểm tra được tính từ ngày bắt đầu tiến hành kiểm tra; trường hợp phạm vi kiểm tra lớn, nội dung phức tạp thì người đã ký quyết định kiểm tra có thể gia hạn một lần không quá 10 ngày làm việc;
 - ✓ Quyết định kiểm tra sau thông quan phải gửi cho người khai hải quan trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ký và chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày tiến hành kiểm tra, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật Hải quan 2014.

2. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp

- **Trình tự, thủ tục kiểm tra sau thông quan:**
 - ✓ Công bố quyết định kiểm tra sau thông quan khi bắt đầu tiến hành kiểm tra;
 - ✓ Đối chiếu nội dung khai báo với sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính, các tài liệu có liên quan, tình trạng thực tế của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong phạm vi, nội dung của quyết định kiểm tra sau thông quan;
 - ✓ Lập biên bản kiểm tra sau thông quan trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra;
 - ✓ Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, người quyết định kiểm tra phải ký kết luận kiểm tra và gửi cho người khai hải quan.

2. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp

- **Trình tự, thủ tục kiểm tra sau thông quan:**
 - ✓ Trường hợp kết luận kiểm tra cần có ý kiến về chuyên môn của cơ quan có thẩm quyền thì thời hạn ký kết luận kiểm tra được tính từ ngày có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền (30 ngày).
 - ✓ Xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển cấp có thẩm quyền xử lý theo kết quả kiểm tra.
 - ✓ Trường hợp người khai hải quan không chấp hành quyết định kiểm tra, không giải trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu đúng thời hạn cho cơ quan hải quan thì cơ quan hải quan căn cứ hồ sơ, tài liệu đã thu thập, xác minh để quyết định xử lý theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc thực hiện thanh tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật. (Điều 80 Luật Hải quan 2014)



IV. TÀI LIỆU CHUẨN BỊ ĐỂ PHỤC VỤ PCA.



Hồ sơ chuẩn bị

1. Hồ sơ, tài liệu về tư cách pháp nhân của Công ty.
2. Hồ sơ hải quan, dữ liệu và tài liệu liên quan đến thực hiện thủ tục hải quan.
3. Chứng từ, số liệu liên quan đến theo dõi, hạch toán kế toán.

Chi tiết hồ sơ

1. Hồ sơ, tài liệu về tư cách pháp nhân của Công ty.

Stt	Tên hồ sơ	Ghi chú
1	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; các văn bản cấp phép, xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước	Bản sao y
2	Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư/ Giấy phép đầu tư (Giấy phép điều chỉnh – nếu có)	Bản sao y
3	Quyết định bổ nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty	Bản sao y
4	Sơ đồ tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các Phòng, Ban, Bộ phận chuyên môn	Bản sao y

Chi tiết hồ sơ

2. Hồ sơ hải quan, dữ liệu và tài liệu liên quan đến thực hiện thủ tục hải quan.

Stt	Tên hồ sơ	Ghi chú
1	Chi tiết thông tin tờ khai đã thông quan; tờ khai sửa đổi, bổ sung; tờ khai hủy (toàn bộ thông tin liên quan đến tờ khai Hải quan được kết xuất từ phần mềm quản lý)	Dữ liệu file mềm
2	Toàn bộ hồ sơ gốc các tờ khai nhập khẩu, xuất khẩu trong dữ liệu nêu trên: Hợp đồng, tờ khai hải quan, invoice, packing list, vận đơn, C/O, chứng từ thanh toán và các chứng từ tài liệu liên quan khác nếu có.	Bản sao y
3	Bảng kê chi tiết tờ khai, mặt hàng xuất khẩu được cấp Giấy chứng nhận xuất xứ/ tự chứng nhận xuất xứ/ mẫu giấy chứng nhận xuất xứ/ tiêu chí áp dụng	Dữ liệu file mềm

Chi tiết hồ sơ

3. Chứng từ, số liệu liên quan đến theo dõi, hạch toán KT.

Stt	Tên hồ sơ	Ghi chú
1	Báo cáo tài chính, bảng cân đối phát sinh các tài khoản	Bản sao y/ Dữ liệu file mềm
2	Bảng kê chi tiết hóa đơn GTGT hàng tháng	Dữ liệu file mềm
3	Biên bản kiểm kê kho cuối mỗi năm, quý, 6 tháng (nếu có)	Bản sao y/ Dữ liệu file mềm
4	Sổ chi tiết các tài khoản kế toán 111, 112, 113, 131, 138, 141, 151, 152, 153, 154, 155, 156, 157, 158, 211, 331, 333, 334, 338, 421, 511, 621, 622, 627, 632, 641, 642, 711, 811, 911	Dữ liệu file mềm

V. CÔNG VIỆC DN PHẢI THỰC HIỆN KHI ĐƯỢC PCA.



Bước 1: Tổng hợp thông tin

Bước 2: Phân tích thông tin

a) Về chính sách xuất nhập khẩu (hàng cấm, giấy phép)

b) Về chính sách quản lý hàng hóa chuyên ngành

b.1) Hàng hóa phải kiểm dịch

b.2) Hàng hóa phải kiểm tra chất lượng

b.3) Hàng hóa phải kiểm tra an toàn thực phẩm

c) Kiểm tra chính sách thuế

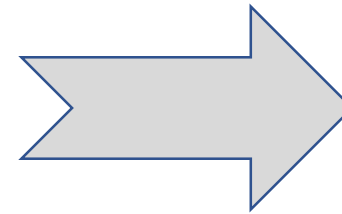
c.1) Trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế.

c.2) Trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế.

BƯỚC 3: ĐÁNH GIÁ THÔNG TIN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ

Bước 1: Tổng hợp thông tin

- Từ chi tiết thông tin tờ khai đã thông quan;
- Tờ khai sửa đổi, bổ sung;
- Tờ khai hủy được kết xuất từ phần mềm quản lý.



Lọc ra thông tin cuối cùng để kiểm tra, đánh giá.

Bước 2: Phân tích thông tin

Thực hiện so sánh, đối chiếu, phân tích thông tin, dữ liệu đã lọc ra cuối cùng với các quy định của:

- Văn bản pháp luật;
- Văn bản hướng dẫn của các cơ quan có liên quan.

a) Về chính sách xuất nhập khẩu

- Tra cứu mã HS với danh mục hàng hóa cấm xuất nhập khẩu, hàng hóa nhập khẩu phải có Giấy phép được quy định tại các văn bản sau:

- + Nghị định số 69/2018/NĐ-CP (Chính sách XNK)
- + Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg (Máy móc, Dây chuyền cũ); **28/2022/QĐ-TTg** sửa đổi.
- + Quyết định số 13/2023/QĐ-TTg (Danh mục Phế liệu)
- + Nghị định số 113/2017/NĐ-CP (PL3 - Hóa chất cấm)
- + Phụ lục I. Danh mục hàng tiêu dùng (T/tư 12/2018/TT-BCT)
- + Thông tư số 11/2018/TT-BTTTT
- + Thông tư số 4225/VBHN-BVHTTDL, 18/9/2018.

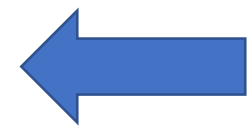


b) Về chính sách quản lý hàng hóa chuyên ngành

b.1) Hàng hóa phải kiểm dịch

- Tra cứu mã HS hàng hóa XNK đã khai báo với cơ quan Hải quan với danh mục hàng hóa phải kiểm dịch được quy định tại các văn bản sau:

- + Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 35/VBHN-VPQH; Luật Thú y số 15/VBHN-VPQH;
- + Nghị định 116/2014/NĐ-CP (kiểm dịch thực vật); 16/VBHN-BNNPTNT (kiểm dịch động vật)
- + Thông tư 06/VBHN-BNNPTNT, 20.09.2022 (Động vật Thủy sản)
- + Thông tư 07/VBHN-BNNPTNT, 04.10.2022 (Động vật trên cạn)
- + Thông tư 06/VBHN-BNNPTNT, 10.03.2023 (Thực vật)
- + Thông tư 03/VBHN-BNNPTNT, 16.04.2019 (Thức ăn chăn nuôi)
- + Thông tư 20/VBHN-BNNPTNT, 30.12.2022 (Danh mục HS)



b) Về chính sách quản lý hàng hóa chuyên ngành

b.2) Hàng hóa phải kiểm tra chất lượng

- Tra cứu mã HS hàng hóa XNK đã khai báo với cơ quan Hải quan với danh mục hàng hóa phải kiểm tra chất lượng được quy định tại các văn bản:

- + Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa;
- + Nghị định 05/VBHN-BKH-CN ngày 26/01/2022;
- + Thông tư 06/2020/TT-BKH-CN ngày 10/12/2020
- + Thông tư của các Bộ ban hành Danh mục hàng hóa có khả năng gây mất an toàn (nhóm 2)

Thông tư của các Bộ ban hành Danh mục hàng hóa có khả năng gây mất an toàn (nhóm 2)

Stt	Bộ ngành	Số Thông tư	Ngày	Ghi chú
1	Bộ Công Thương	1182/QĐ-BCT	06/04/2021	Nhóm 2
2	Bộ KH-CN	2711/QĐ-BKH-CN	30/12/2022	Nhóm 2
		06/2020/TT-BKH-CN	10/12/2020	Công bố hợp quy
3	Bộ Y tế	05/2019/TT-BYT	28/03/2019	Ngưng thực hiện
4	Bộ GTVT	12/2022/TT-BGTVT	30/06/2022	Nhóm 2
5	Bộ LĐTBXH	22/2018/TT-BLĐTBXH	06/12/2018	Nhóm 2
		26/2018/TT-BLĐTBXH	25/12/2018	Nhóm 2
6	Bộ NN&PTNT	16/2021/TT-BNNPTNT	20/12/2021	Nhóm 2

Thông tư của các Bộ ban hành Danh mục hàng hóa có khả năng gây mất an toàn (nhóm 2)

Stt	Bộ ngành	Số Thông tư	Ngày	Ghi chú
7	Bộ TTTT	01/VBHN-BTTTT	21/06/2021	Nhóm 2
		02/2020/VBHN-BTTTT	11/08/2020	Công bố hợp quy
		2125/QĐ-BTTTT	21/11/2022	Gây mất an toàn
		13/VBHN-BTTTT	28/10/2022	Giấy phép
8	Bộ Xây dựng	10/2017/TT-BXD	29/09/2017	Kính XD
		19/2019/TT-BXD	31/12/2019	Quy chuẩn
9	Bộ Công an	08/2019/TT-BCA	26/03/2019	Nhóm 2

Hàng hóa nhập khẩu được miễn kiểm tra chất lượng đối với các trường hợp sau:

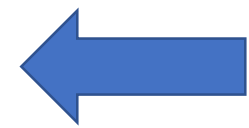
- (1) Tài sản di chuyển trong định mức miễn thuế; quà biếu, quà tặng trong định mức miễn thuế NK;
- (2) Hàng hóa NK trong định lượng miễn thuế phục vụ cho công tác và sinh hoạt của cá nhân/tổ chức nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao;
- (3) Hàng hóa quá cảnh, chuyển khẩu, trung chuyển, tạm nhập, tái xuất, từ nước ngoài gửi vào kho ngoại quan để xuất ra nước ngoài;
- (4) Hàng hóa là mẫu hàng để quảng cáo không có giá trị sử dụng, hàng mẫu thử nghiệm hoặc nghiên cứu có số lượng phù hợp với mục đích thử nghiệm hoặc nghiên cứu có xác nhận của tổ chức, cá nhân;

Hàng hóa nhập khẩu được miễn kiểm tra chất lượng đối với các trường hợp sau:

- (5) Hàng hóa tạm nhập để trưng bày hội chợ, triển lãm;
- (6) Hàng hóa tạm nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế;
- (7) Hàng hóa trao đổi của cư dân biên giới trong định mức miễn thuế;
- (8) Hàng hóa NK gửi bưu chính, CPN có trị giá được miễn thuế
- (9) Hàng hóa NK tại chỗ;
- (10) Hàng NK để sửa chữa, tái chế;
- (11) Hàng NK chuyên dùng cho mục đích an ninh, quốc phòng;
- (12) Hàng hóa đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm (đối với hàng hóa KTATTP);

Hàng hóa nhập khẩu được miễn kiểm tra chất lượng đối với các trường hợp sau:

- (13) Hàng hóa là sản phẩm, nguyên liệu, linh kiện NKSXXK, GC;
- (14) Hàng hóa là sản phẩm, nguyên liệu, linh kiện NK để phục vụ trực tiếp cho việc SX của người NK;
- (15) Hàng hóa NK là hàng đơn lẻ để bảo hành, thay thế; hàng hóa là bộ phận của dây chuyền thiết bị đồng bộ;
- (16) Hàng hóa NK từ nhà SX đã được CQ của VN kiểm tra tại nguồn, do các bộ quản lý ngành, lĩnh vực công bố theo từng thời kỳ;
- (17) Hàng hóa được SX theo công nghệ tiên tiến và có xuất xứ từ những nước, vùng lãnh thổ có tiêu chuẩn chất lượng cao thể hiện qua các nhãn chất lượng
- (18) Hàng hóa NK phục vụ khẩn cấp theo chỉ đạo Chính phủ, TTCP
- (19) Hàng hóa NK khác.



b) Về chính sách quản lý hàng hóa chuyên ngành

b.3) Hàng hóa phải kiểm tra an toàn thực phẩm

- Tra cứu mã HS hàng hóa XNK đã khai báo với cơ quan Hải quan với danh mục hàng hóa phải kiểm tra an toàn thực phẩm được quy định tại các văn bản sau:

- + Luật An toàn thực phẩm – 2010;
- + Nghị định 15/2018/NĐ-CP
- + Thông tư 11/2021/TT-BNNPTNT
- + Thông tư 28/2021/TT-BYT
- + Quyết định 1182/QĐ-BCT

Hàng hóa nhập khẩu được miễn kiểm tra an toàn thực phẩm đối với các trường hợp sau:

- (1) SP đã cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố SP
- (2) SP mang theo người nhập cảnh, gửi trước hoặc gửi sau chuyến đi của người nhập cảnh; quà biếu, quà tặng trong định mức miễn thuế.
- (3) SP NK dùng cho cá nhân của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao.
- (4) SP quá cảnh, chuyển khẩu, trung chuyển, tạm nhập, tái xuất, gửi kho ngoại quan.
- (5) SP là mẫu thử nghiệm hoặc nghiên cứu có số lượng phù hợp với mục đích thử nghiệm hoặc nghiên cứu có xác nhận của tổ chức, cá nhân.

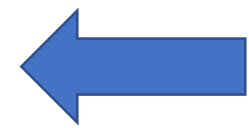
Hàng hóa nhập khẩu được miễn kiểm tra an toàn thực phẩm đối với các trường hợp sau:

(6) SP sử dụng để trưng bày hội chợ, triển lãm.

(7) SP, nguyên liệu SX, NK chỉ dùng để SX, gia công hàng XK hoặc phục vụ cho việc SX nội bộ của tổ chức, cá nhân, không tiêu thụ trong nước.

(8) SP tạm NK để bán tại cửa hàng miễn thuế.

(9) Hàng hóa nhập khẩu phục vụ yêu cầu khẩn cấp theo chỉ đạo của Chính phủ.



c) Kiểm tra chính sách thuế

Kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc các đối tượng nào sau đây:

(c1) Đối tượng không chịu thuế

(c2) Đối tượng chịu thuế

(c3) Đối tượng miễn thuế

(c4) Đối tượng hoàn thuế, không thu thuế

(c5) Căn cứ tính thuế

c.1) Trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế.

- Hàng hóa quá cảnh, chuyển khẩu, trung chuyển;
- Hàng hóa viện trợ nhân đạo, hàng hóa viện trợ không hoàn lại;
- Hàng hóa xuất khẩu từ khu phi thuế quan ra nước ngoài; hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan; hàng hóa chuyển từ khu phi thuế quan này sang khu phi thuế quan khác;
- Phần dầu khí được dùng để trả thuế tài nguyên cho Nhà nước khi xuất khẩu.

c.1) Trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế.

- Kiểm tra điều kiện giám sát đối với DNCX
- Điều 28a Nghị định số 18/2021/NĐ-CP,
 - a) Có hàng rào cứng ngăn cách với khu vực bên ngoài;
 - b) Có hệ thống ca-mê-ra quan sát; dữ liệu hình ảnh ca-mê-ra được kết nối trực tuyến với cơ quan hải quan và được lưu giữ tối thiểu 12 tháng;
 - c) Có phần mềm quản lý hàng hóa nhập khẩu.



c.2) Trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế.

Kiểm tra các sắc thuế phải nộp, bao gồm:

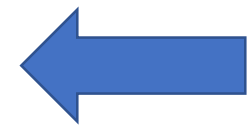
- Thuế nhập khẩu;
- Thuế nhập khẩu bổ sung (chống bán phá giá, tự vệ, chống trợ cấp);
- Thuế tiêu thụ đặc biệt;
- Thuế bảo vệ môi trường; và
- Thuế GTGT.

Thuế nhập khẩu

Thuế nhập khẩu

Kiểm tra Công ty áp dụng mức thuế nào ? ưu đãi MFN, ưu đãi đặc biệt, thông thường. Chi tiết như sau:

- + Trường hợp Công ty áp dụng mức thuế nhập khẩu ưu đãi MFN, kiểm tra nước xuất xứ có quốc gia nào chưa ký quy chế tối huệ quốc với Việt Nam không?
- + Trường hợp Công ty áp dụng mức thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt, kiểm tra xuất xứ trên C/O, mặt hàng và mức thuế trên Biểu thuế ưu đãi đặc biệt, khai báo trên tờ khai ...
- + Mặt hàng nhập khẩu có thuộc diện chịu thuế theo hạn ngạch thuế quan hay không ?



Thuế nhập khẩu bổ sung

Đối với các sắc thuế nhập khẩu bổ sung:

- Thuế chống bán phá giá,
- Thuế tự vệ,
- Thuế chống trợ cấp

Thuế chống bán phá giá

Stt	Quyết định	Mặt hàng	Mã HS Nhóm	Nước/vùng lãnh thổ bị kiện	Mức thuế	Thời gian
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	235/QĐ-BCT 13/02/2023	Một số sản phẩm bàn, ghế	9401, 9403	Cộng hòa nhân dân Trung Hoa	- Bàn: 35,20% - Ghế 21,40%	Từ 30/12/2022 Đến 30/12/2027
2	84/QĐ-BCT, 18/01/2023	Thép hợp kim hoặc không hợp kim được cán phẳng, được sơn (tôn màu)	7210, 7212, 7225 và 7226	Trung Quốc, Hàn Quốc	Công ty Boxing Hengrui New Material Co., Ltd (Trung Quốc) : 3,88%	Từ 03/3/2023 Đến 03/3/2028
3	74/QĐ-BCT, 16/01/2023	Nhôm và các sản phẩm bằng nhôm; hợp kim hoặc không hợp kim; ở dạng thanh, que và hình	7604	Trung Quốc	- Nếu có C/O: mức thuế tùy theo Công ty, các Công ty khác là: 35,58% - Nếu không có C/O 35,58%.	Từ 11/3/2023 Đến 11/3/2028

Thuế chống bán phá giá

Stt	Quyết định	Mặt hàng	Mã HS Nhóm	Nước/vùng lãnh thổ bị kiện	Mức thuế	Thời gian
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4	2964/QĐ-BCT, 30/12/2022	Thép hợp kim hoặc không hợp kim được cán phẳng, được sơn (tôn màu)	7210, 7212, 7225 và 7226	Trung Quốc, Hàn Quốc	- Nếu có C/O: tùy theo Công ty, các Công ty khác là: 34,27% Trung Quốc và 19,25% Hàn Quốc - Nếu không có C/O 34,27%.	Từ 30/12/2022 Đến 30/12/2027
5	2963/QĐ-BCT 30/12/2022	Một số sản phẩm Sợi dài làm từ Polyester	5402	Trung hoa, Ấn độ, Indonesia, Malaysia	- Trung Quốc 17,45% - Ấn độ 54,9% - Indonesia 21,94%; - Malaysia 21,45%;	Từ 30/12/2022 Đến 30/12/2027
6	2962/QĐ-BCT 30/12/2022	Một số mặt hàng thép hình chữ H	7216, 7228	Malaysia	10,64%	Từ 30/12/2022 Đến 21/08/2026

Thuế chống bán phá giá

Stt	Quyết định	Mặt hàng	Mã HS Nhóm	Nước/vùng lãnh thổ bị kiện	Mức thuế	Thời gian
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7	2961/QĐ-BCT 30/12/2022	Một số sản phẩm đường mía	1701 và 1702	Vương quốc Thái Lan	Thuế CBPG 42,99% Thuế CTC 4,65%	Từ 30/12/2022 Đến 30/12/2027
8	- 2644/QĐ-BCT 23/11/2021 - 4997/BCT-PVTM 19/8/2022	Một số sản phẩm Sorbitol (Toàn bộ Sorbitol dạng lỏng (Siro Sorbitol))	29054400 38246000	Trung hoa, Ấn độ, Indonesia	- Ấn độ: 52,75% - Indonesia: 57,55% - Trung Quốc: 68,5%	Từ 23/11/2021 Đến 23/11/2026
9	1403/QĐ-BCT 15/7/2022	Sản phẩm plastic và sản phẩm bằng plastic được làm từ các polyme từ propylen	39202010 39202091	Trung Hoa, Thái Lan, Malaixia	- Nếu có C/O: mức thuế tùy theo Công ty, các Công ty khác là: 23,71% - Nếu không có C/O 23,71%.	Từ 23/7/2020 Đến 22/7/2025

Thuế chống bán phá giá

Stt	Quyết định	Mặt hàng	Mã HS Nhóm	Nước/vùng lãnh thổ bị kiện	Mức thuế	Thời gian
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
10	3390/QĐ-BCT 21/12/2020	Một số sản phẩm thép các-bon cán nguội (ép nguội) dạng cuộn hoặc tấm	7209, 7211 và 7225	Trung Quốc	- Nếu có C/O: mức thuế tùy theo Công ty, các Công ty khác là: 25,22% - Nếu không có C/O 25,22%.	Từ 28/12/2020 Đến 28/12/2025
11	1933/QĐ-BCT 22/7/2020	Một số sản phẩm bột ngọt	29224220	Trung Quốc, Indonesia	3.529.958VND/Tấn 6.385.289VND/Tấn	Từ 23/7/2020 Đến 23/7/2025
12	3162/QĐ-BCT 21/10/2019	Thép không gỉ cán nguội	7219, 7220	Trung Quốc, Indonesia, Malaysia, Đài Loan	10.91% – 37.29%	Từ 26/10/2019 Đến 26/10/2024

Thuế chống bán phá giá

Stt	Quyết định	Mặt hàng	Mã HS Nhóm	Nước/vùng lãnh thổ bị kiện	Mức thuế	Thời gian
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
13	2959/QĐ-BCT ngày 30/12/2022	"Một số sản phẩm vật liệu hàn :+ Que hàn inox 308 có bọc thuốc;+ Dây hàn thép đặc không lõi thuốc"	7217, 7229 và 8311	Ma-lai-xi-a Thái Lan Trung Hoa	- Que hàn inox 308 có bọc thuốc+ Không có C/O: 36,11%+ Có C/O tùy- Dây hàn thép đặc không lõi thuốc+ Không có C/O: 36,56%+ Có C/O tùy.	5 năm kể từ ngày 20/08/2022 - 20/08/2027

Khi nhập khẩu những mặt hàng chịu Thuế Chống bán phá giá, doanh nghiệp cần lưu ý:

1. Hàng hóa nhập khẩu từ các nước, vùng lãnh thổ **không thuộc** quốc gia bị áp Thuế Chống bán phá giá, nhưng để không phải chịu thuế Chống bán phá giá, doanh nghiệp yêu cầu người xuất khẩu **cung cấp Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O)**, hoặc Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa phù hợp với quy định tại:

- Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTTP);
- Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực;
- Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA);
- Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ai-len; hoặc
- Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (Form D).

Khi nhập khẩu những mặt hàng chịu Thuế Chống bán phá giá, doanh nghiệp cần lưu ý:

2. Trường hợp chưa có chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CTCNXX) tại thời điểm làm thủ tục hải quan:

- Hàng hóa nhập khẩu phải áp dụng mức thuế theo các biện pháp do Bộ Công Thương quyết định. Trường hợp được tổ chức tín dụng bảo lãnh số tiền thuế phải nộp thì được áp dụng mức thuế suất theo khai báo.

- Được bổ sung CTCNXX trong thời hạn 30 ngày.

3. Loại hình GC, SXXK, DNCX được miễn thuế hoặc không chịu Thuế CBPG. Tuy nhiên, khi doanh nghiệp thay đổi mục đích sử dụng sẽ phải chịu Thuế Chống bán phá giá.

Khi nhập khẩu những mặt hàng chịu Thuế Chống bán phá giá, doanh nghiệp cần lưu ý:

4. Đối với hàng hóa được miễn trừ, người khai hải quan phải xuất trình quyết định miễn trừ tại thời điểm làm thủ tục hải quan;
5. Hàng hóa có mã HS thuộc đối tượng, nhưng mô tả hàng hóa được loại trừ, phải lấy mẫu phân tích, giám định.
6. kê khai tại mục Ghi chú: số tham chiếu, ngày cấp C/O;
7. Trường hợp quyết định có yêu cầu xuất trình Giấy chứng nhận nhà sản xuất để đối chiếu tên tổ chức, cá nhân ... thì DN phải xuất trình.

Thuế tự vệ

Các mặt hàng đang áp dụng Thuế tự vệ

1. Phôi thép hợp kim và không hợp kim; và các sản phẩm thép dài hợp kim và không hợp kim (bao gồm thép cuộn và thép thanh)

Căn cứ Quyết định 918.QĐ-BCT ngày 20.3.2020, sửa đổi tại QĐ 1726.QĐ-BCT, 7.7.2021; Được sửa đổi tại Quyết định số 2957/QĐ-BCT ngày 30/12/2022

2. Thép cuộn, thép dây

Căn cứ Quyết định 920.QĐ-BCT ngày 20.3.2020; 693/QĐ-BCT ngày 21/3/2023 gia hạn.

3. Phân bón DAP, MAP

Căn cứ Quyết định 686.QĐ-BCT ngày 2.3.2018, sửa đổi tại QĐ 715.QĐ-BCT, 7.3.2020; 1845/QĐ-BCT, ngày 14/9/2022 không gia hạn.

Thuế chống trợ cấp

THUẾ CHỐNG TRỢ CẤP

Thuế chống trợ cấp là thuế nhập khẩu bổ sung được áp dụng trong trường hợp hàng hóa được trợ cấp nhập khẩu vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước hoặc ngăn cản sự hình thành của ngành sản xuất trong nước.

Các mặt hàng đang áp dụng Thuế chống trợ cấp:

Mặt hàng sản phẩm từ Đường mía, có xuất xứ Thái Lan

(Quyết định số 1578.QĐ-BCT ngày 15.6.2021 –
Hiệu lực thi hành từ ngày 16.6.2021)

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Thuế tiêu thụ đặc biệt (đối tượng chịu thuế)

STT	Hàng hóa, dịch vụ
I	Hàng hóa
1	Thuốc lá điếu, xì gà và các chế phẩm khác từ cây thuốc lá (2402, 2403)
2	Rượu (2204, 2205, 2206, 2207)
3	Bia (2203)
4	Xe ô tô dưới 24 chỗ; kể cả xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng loại có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng (8702, 8703); Ô tô chạy điện (Luật số 03/2022/QH15)
5	Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi lanh trên 125 cm ³ (8711)
6	Tàu bay, du thuyền (8802, 8901)
7	Xăng các loại (2710)
8	Điều hòa nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống (8415)
9	Bàii lá (9504.40.00)
10	Vàng mã, hàng mã (48239092)

Thuế tiêu thụ đặc biệt (đối tượng chịu thuế)

STT	Hàng hóa, dịch vụ
II	Dịch vụ
1	Kinh doanh vũ trường
2	Kinh doanh mát-xa, ka-ra-ô-kê
3	Kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng
4	Kinh doanh đặt cược
5	Kinh doanh gôn
6	Kinh doanh xổ số

Giá tính thuế TTĐB (Theo Luật)

Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa, dịch vụ là giá bán ra, giá cung ứng dịch vụ chưa có thuế tiêu thụ đặc biệt, chưa có thuế bảo vệ môi trường và chưa có thuế giá trị gia tăng được quy định như sau:

Đối với hàng hóa nhập khẩu tại khâu nhập khẩu là **giá tính thuế nhập khẩu cộng với thuế nhập khẩu**. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được miễn, giảm thuế nhập khẩu thì giá tính thuế không bao gồm số thuế nhập khẩu được miễn, giảm.

Hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt nhập khẩu được khấu trừ số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp ở khâu nhập khẩu khi xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp bán ra.

Giá tính thuế TTĐB

(Theo Thông tư 39.2018.TT-BTC)

Trường hợp mặt hàng có thuế NK bổ sung thì giá tính thuế TTĐB là: Giá tính thuế NK + thuế NK + thuế NK bổ sung.

Căn cứ Khoản 4 Điều 39 Thông tư 38.2015.TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung tại điểm 4 Khoản 23 Điều 1 Thông tư 39.2018.TT-BTC ngày 20.4.2018 của Bộ Tài chính

4. Đối với hàng hóa nhập khẩu phải áp dụng một trong các biện pháp về thuế nhập khẩu (thuế tự vệ, thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp) thì trị giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt, trị giá tính thuế giá trị gia tăng phải cộng thêm thuế tự vệ, thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp.

Đối tượng không chịu thuế TTĐB

Điều 3. Đối tượng không chịu thuế

2. Hàng hóa nhập khẩu bao gồm:

a) Hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; quà tặng cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, quà biếu, quà tặng cho cá nhân tại Việt Nam theo mức quy định của Chính phủ;

b) Hàng hóa vận chuyển quá cảnh hoặc mượn đường qua cửa khẩu, biên giới Việt Nam, hàng hóa chuyển khẩu theo quy định của Chính phủ;

c) Hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu và tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu không phải nộp thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu trong thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

d) Đồ dùng của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao; hàng mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế; hàng nhập khẩu để bán miễn thuế theo quy định của pháp luật.

Đối tượng không chịu thuế TTĐB

Điều 3. Đối tượng không chịu thuế

3. Tàu bay, du thuyền sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách, khách du lịch và tàu bay sử dụng cho mục đích an ninh, quốc phòng;

4. Xe ô tô cứu thương; xe ô tô chở phạm nhân; xe ô tô tang lễ; xe ô tô thiết kế vừa có chỗ ngồi, vừa có chỗ đứng chở được từ 24 người trở lên; xe ô tô chạy trong khu vui chơi, giải trí, thể thao không đăng ký lưu hành và không tham gia giao thông;

5. Hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan, hàng hóa từ nội địa bán vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan, hàng hóa được mua bán giữa các khu phi thuế quan với nhau, trừ xe ô tô chở người dưới 24 chỗ.

HOÀN THUẾ, KHẤU TRỪ THUẾ, GIẢM THUẾ TTĐB

Điều 8. Hoàn thuế, khấu trừ thuế

1. Người nộp thuế tiêu thụ đặc biệt được hoàn thuế đã nộp trong các trường hợp sau:

- a) Hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu;
- b) Hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu;
- c) Quyết toán thuế khi sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, chấm dứt hoạt động có số thuế nộp thừa;
- d) Có quyết định hoàn thuế của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và trường hợp hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

HOÀN THUẾ, KHẤU TRỪ THUẾ, GIẢM THUẾ TTĐB

Điều 9. Giảm thuế

Người nộp thuế sản xuất hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt gặp khó khăn do thiên tai, tai nạn bất ngờ được giảm thuế.

Mức giảm thuế được xác định trên cơ sở tổn thất thực tế do thiên tai, tai nạn bất ngờ gây ra nhưng không quá 30% số thuế phải nộp của năm xảy ra thiệt hại và không vượt quá giá trị tài sản bị thiệt hại sau khi được bồi thường (nếu có).



Các anh/chị truy cập nhóm zalo để thảo luận và tải tài liệu. Trân trọng cảm ơn!



Bất kỳ ai có link này đều có thể tham gia nhóm. Chỉ chia sẻ với người mà bạn tin tưởng.

zalo.me/g/jcgvts341

